

TẬP ĐẠI THÀNH VĂN HIỂN NHO HỌC NHÌN TỪ VIỆC BIÊN SOẠN BA BỘ *NHO TẠNG*

NGUYỄN TUẤN CUÔNG^(*)

1. Dẫn nhập

Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo là ba hệ thống tư tưởng then chốt của khu vực văn hoá Đông Á trong hàng nghìn năm qua. Việc biên soạn các bộ sách lớn, mang tính “tập đại thành” cho mỗi hệ thống tư tưởng trên đây, đã trở thành nhu cầu thường xuyên đặt ra đối với giới học thuật xưa nay. Trong lĩnh vực Đạo giáo, bộ Đạo tạng đầu tiên là *Khai Nguyên đạo tạng* 開元道藏, gồm 3.744 quyển, biên soạn trong niên hiệu Khai Nguyên (713 - 741) đời Đường Huyền Tông. Đời Tống có 6 lần biên soạn Đạo tạng. Đời Kim biên soạn *Đại Kim Huyền Đô bảo tạng* 大金玄都寶藏, gồm 6.455 quyển. Đến đời Nguyên bổ sung thành 7.800 quyển. Đạo tạng đời Minh được biên soạn trong thời Chính Thống và được bổ sung trong thời Vạn Lịch, tổng cộng 5.485 quyển. Năm 1924-1926, Trung Quốc cho ấn bản Đạo tạng lưu tại Bạch Vân Quán (Bắc Kinh) thành bộ *Chính tục đại tạng* 正續大藏, gồm 1467 loại kinh sách, cả thảy 5.485 cuốn sách, đóng thành 1120 tập. Đối với Phật giáo, bộ Phật tạng quan trọng

là *Đại Chính tân tu đại tạng kinh* 大正新脩大藏經 (Taishō Shinshū Daizōkyō), được in tại Nhật Bản trong các năm 1924 - 1934 niên hiệu Đại Chính (Taishō), gồm 100 tập, khoảng 12.000 trang. Hiện nay bản Đại tạng kinh này được sử dụng phổ biến trong giới nghiên cứu Phật học trên thế giới.

Với Nho giáo, các ý tưởng về việc biên soạn bộ *Nho tạng* đã được đặt ra ngay từ rất sớm, bởi các học giả Tôn Vũ Hầu 孫羽侯, Tào Học Toàn 曹學佺 đời Minh Vạn Lịch, Chu Vĩnh Niên 周永年 đời Thanh Càn Long⁽¹⁾, nhưng cho đến cuối thế kỉ XX, những ý tưởng này vẫn còn ở trên trang giấy, mà chưa thể hiện thực hoá. Điều này trở thành nỗi day dứt, thậm chí là ám ảnh, đối với giới nghiên cứu Nho học Trung Quốc. Chính vì vậy, từ những năm cuối thế kỉ XX, khi tình hình nghiên cứu Nho học đang đã khởi sắc với những thành tựu mới, học giới Trung Quốc bắt đầu xây dựng các dự án vĩ mô nhằm mục đích biên soạn *Nho tạng*. Trăm hoa đua nở, trăm

^(*)TS.Viện Nghiên cứu Hán Nôm

nhà đua tiếng, gần như đồng thời đã xuất hiện tại Trung Quốc ba đơn vị độc lập với nhau (Đại học Bắc Kinh, Đại học Nhân Dân, Đại học Tứ Xuyên) cùng chủ trương biên soạn *Nho tạng* của riêng mình, với những đặc điểm không giống nhau. Việc chỉnh lý và công bố đến nay dù chưa hoàn tất, nhưng cũng đã xuất bản được một phần, tạm coi là đủ để có một cái nhìn khái quát về công việc của từng nhóm biên soạn. Dưới đây, căn cứ vào những thông tin cập nhật (tới tháng 9/2014), bài viết này sẽ trình bày khái quát những đặc điểm chính của từng bộ *Nho tạng* trong cái nhìn so sánh với nhau, trên cơ sở đó đưa ra một số bình luận về những điểm cần lưu ý trong quá trình biên soạn *Nho tạng* sau này.

2. Tổng quan về ba bộ *Nho tạng*

2.1. *Nho tạng* của Đại học Tứ Xuyên

Ngay từ năm 1997, Sở Nghiên cứu Chính lý Cổ tịch thuộc Đại học Tứ Xuyên, Trung Quốc, đã chính thức đề xuất việc biên soạn bộ *Nho tạng*, đăng kí tác quyền biên soạn và xuất bản ở tỉnh Tứ Xuyên cũng như ở cấp quốc gia Trung Quốc. Đến năm 1999, Đại học Tứ Xuyên đưa dự án *Nho tạng* vào danh sách “Đề án 211”⁽²⁾ của chính phủ và sau đó là “Đề án 985”⁽³⁾ của Bộ Giáo dục Trung Quốc. Đến năm 2004, dự án này được liệt vào hạng mục đề tài trọng điểm do Quỹ Khổng Tử Trung Quốc (中國孔子基金會) cấp kinh phí thực hiện gồm 3 triệu Nhân dân tệ (tương đương gần 11 tỉ đồng Việt Nam hiện nay, 2014). Chủ biên bộ sách này là Giáo sư Thư Đại Cương 舒大剛 (1959~), Sở trưởng Sở Nghiên cứu Chính lý Cổ tịch

thuộc Đại học Tứ Xuyên.

Bộ sách dự kiến có khoảng 600 tập (tương đương 500.000 trang sách), lựa chọn tổng cộng khoảng 5.000 đơn vị tác phẩm Nho học trong suốt chiều dài lịch sử 2.500 năm, dự kiến dài khoảng 500 triệu chữ. Nhóm biên soạn chỉ lựa chọn những bộ phận ưu tú nhất trong lịch sử kinh học, ví dụ như ta biết rằng hiện nay có khoảng 1.000 trước tác liên quan đến kinh *Xuân Thu*, nhưng nhóm biên soạn chỉ lựa chọn 100 cuốn mà thôi.

Về phương thức biên soạn, bộ *Nho tạng* này không chế bản chữ Hán vi tính, mà chủ trương ảnh in nguyên bản, có kèm chỉ dấu hiệu điểm của nhóm biên soạn, đánh vào bên phải của mỗi cột chữ được bố trí theo chiều dọc từ trên xuống, đúng như nguyên cổ bản. Đây là một điểm khác biệt căn bản với hai bộ *Nho tạng* của Đại học Bắc Kinh và Đại học Nhân Dân. Có lẽ chính vì không cần chế bản vi tính, mà chỉ in ảnh in kèm hiệu điểm trên cơ sở các văn bản khắc ván in rất rõ nét, nên công việc của nhóm biên soạn ở Tứ Xuyên không phức tạp như các đồng nghiệp ở Bắc Kinh. Điều này khiến cho bộ sách được ra đời sớm hơn, đến nay (tháng 9/2014) đã hoàn thành việc xuất bản toàn bộ phần Sứ bộ, gồm 8 loại, 22 mục, 516 sách, in thành 274 tập khổ lớn, mỗi tập khoảng 700-1000 trang, do Nhà xuất bản Đại học Tứ Xuyên ấn hành từ 2005 đến 2014.

Về phạm vi biên soạn, bộ *Nho tạng* này chỉ thu thập tư liệu của Trung Quốc, chứ không chủ trương thu thập tư liệu ở các nước Đông Á. Đây cũng là một điểm khác biệt căn bản với hai bộ *Nho tạng* còn lại.

Về cấu trúc phạm trù tổng thể, *Nho tạng* Tứ Xuyên tham khảo cấu trúc “tam Động, tứ Phụ, thập nhị Loại” của *Đạo tạng*, và cấu trúc “Kinh, Luật, Luận” của *Đại tạng kinh*, từ đó đề xuất chia thư tịch Nho học thành 3 “bộ” lớn là “Kinh, Luận, Sử”, trong mỗi bộ lại chia tiếp thành nhiều loại, trong mỗi loại lại có thể có nhiều mục, mỗi mục có thể bao gồm vài chục sách (tức một đơn vị tác phẩm Nho học cụ thể, một tập xuất bản

có thể gồm một hoặc nhiều sách). Tức là cấu trúc phân tầng của *Nho tạng* Tứ Xuyên gồm 5 bậc: **Tạng - Bộ - Loại - Mục - Sách** (藏 - 部 - 類 - 目 - 册).

Về cấu trúc đơn vị loại của mỗi bộ, theo tài liệu mới nhất (2014)⁽⁴⁾, tổng cộng có 24 loại, thường được gọi là “tam tạng, nhị thập tứ mục” 三藏二十四目 (lẽ ra phải là “tam bộ, nhị thập tứ loại”), phân bố cụ thể như sau:

BỘ	LOẠI	GHI CHÚ
Kinh 經	(1) Nguyên điển 元典	Các văn bản kinh điển Nho học quan trọng bằng văn ngôn và bạch thoại
	(2) Chu Dịch 周易	
	(3) Thượng thư 尚書	
	(4) Thi kinh 詩經	
	(5) Tam Lễ 三禮	Chu Lễ, Nghi Lễ, Lễ kí, Thông Lễ
	(6) Xuân Thu 春秋	Xuân Thu kinh, Tả truyện, Công Dương, Cốc Lương, Tam truyện thông luận
	(7) Hiếu kinh 孝經	
	(8) Tứ thư 四書	Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh Tử, Thông luận
	(9) Nhĩ Nhã 爾雅	Phụ: Tiểu học
	(10) Quần kinh 群經	Tổng luận, Thông khảo, Kinh luận
	(11) Sám vĩ 讖緯	
Luận 論	(12) Nho gia 儒家	
	(13) Tính lí 性理	
	(14) Lễ giáo 禮教	
	(15) Chính trị 政治	
	(16) Tạp luận 雜論	
	Sử 史	(17) Khổng Mạnh 孔孟
(18) Học án 學案		
(19) Bi truyện 碑傳		
(20) Niên phổ 年譜		
(21) Sử truyện 史傳		
(22) Học hiệu 學校		
(23) Lễ nhạc 禮樂		
(24) Tạp sử 雜史		

Nếu so sánh cấu trúc phân loại cập nhật năm 2014 trình bày trên với một bản in sớm (quyển 1 của Sứ bộ) vào năm 2005⁽⁵⁾, thì ở Kinh bộ, bản 2005 có thêm loại *Xuất Thổ văn hiển* 出土文獻 (bao gồm: Giản bạch, Thạch khắc, Đôn Hoàng di thư) ở cuối Kinh bộ, sau loại Sấm vĩ. Ở Sứ bộ, bản 2014 đã bỏ loại *Biệt sử* 別史, bổ sung 2 loại *Học hiệu*, *Lễ nhạc*. Sớm hơn nữa, trong một bài viết in năm 2004 bàn về vấn đề phân loại khi biên soạn *Nho tạng*, Chủ biên Thư Đại Cương đưa ra phép chia hơi khác, mặc dù cũng là “tam tạng, nhị thập tứ mục”, bao gồm: KINH: (1) Chu Dịch, (2) Thượng thư, (3) Thi kinh, (4) Lễ, (5) Xuân Thu, (6) Luận ngữ, (7) Hiếu kinh, (8) Mạnh Tử, (9) Tứ thư, (10) Nhĩ Nhã,

(11) *Quản kinh tổng luận*, (12) Sấm vĩ, (13) Thạch kinh, (14) *Xuất thổ văn hiển*; LUẬN: (15) *Tiên Tản Nho gia*, (16) *Hán Đường Nho gia*, (17) *Tổng Minh Lí học*, (18) *Thanh Nho*, (19) *Tạp luận*; SỬ (20) *Truyện kí*, (21) *Niên phổ*, (22) *Học án*, (23) *Học sử*, (24) *Tạp khảo*⁽⁶⁾. Quan sát sự thay đổi trong tư tưởng phân loại “tam tạng, nhị thập tứ mục” kể từ bài viết năm 2004, sang tập sách đầu Sứ bộ năm 2005, đến loạt in cuối Sứ bộ năm 2014 thì thấy, nhóm biên soạn luôn không ngừng nỗ lực điều chỉnh quan điểm phân loại của mình, chứ không cố chấp, câu nệ vào một nguyên tắc nào. Bảng thống kê dưới đây trình bày theo dạng so sánh để dễ hình dung về quá trình điều chỉnh này. Trong bảng lấy trật tự phân loại của bản cập nhật nhất, 2014, làm chuẩn để so sánh với hai bản trước đó.

Tam tạng	Nhị thập tứ mục		
	Bản 2004	Bản 2005	Bản 2014
Kinh bộ		(1) Nguyên điển	(1) Nguyên điển
	(1) Chu Dịch	(2) Chu Dịch	(2) Chu Dịch
	(2) Thượng thư	(3) Thượng thư	(3) Thượng thư
	(3) Thi kinh	(4) Thi kinh	(4) Thi kinh
	(4) Lễ	(5) Tam Lễ	(5) Tam Lễ
	(5) Xuân Thu	(6) Xuân Thu	(6) Xuân Thu
	(6) Luận ngữ		
	(7) Hiếu kinh	(7) Hiếu kinh	(7) Hiếu kinh
	(8) Mạnh Tử		
	(9) Tứ thư	(8) Tứ thư	(8) Tứ thư
	(10) Nhĩ nhã	(9) Nhĩ nhã	(9) Nhĩ nhã
	(11) <i>Quản kinh tổng luận</i>	(10) <i>Quản kinh</i>	(10) <i>Quản kinh</i>
	(12) Sấm vĩ	(11) Sấm vĩ	(11) Sấm vĩ
	(13) Thạch kinh		
(14) <i>Xuất thổ văn hiển</i>	(12) <i>Xuất thổ văn hiển</i>		
Luận bộ	(15) <i>Tiên Tản Nho gia</i>	(13) <i>Nho gia</i>	(12) <i>Nho gia</i>
	(16) <i>Hán Đường Nho gia</i>		
	(17) <i>Tổng Minh Lí học</i>	(14) <i>Tĩnh lí</i>	(13) <i>Tĩnh lí</i>

	(18) Thanh Nho		
		(15) Lễ giáo	(14) Lễ giáo
		(16) Chính trị	(15) Chính trị
	(19) Tập luận	(17) Tập luận	(16) Tập luận
Sử bộ	(20) Truyện kí		
		(18) Khổng Mạnh	(17) Khổng Mạnh
	(22) Học án	(19) Học án	(18) Học án
		(20) Bi truyện	(19) Bi truyện
	(21) Niên phổ	(22) Niên phổ	(20) Niên phổ
		(21) Sử truyện	(21) Sử truyện
		(23) Biệt sử	
	(23) Học sử		(22) Học hiệu
			(23) Lễ nhạc
	(24) Tập khảo	(24) Tập sử	(24) Tập sử

Đối với phần Sử bộ đã xuất bản xong, cấu trúc loại và mục như sau (4 Loại đầu tiên không phân mục):

Loại 類 (8, tên đầy đủ)	Mục 目 (22, tính cả 4 Loại đầu)
(1) Khổng Mạnh sử chí 孔孟史志 (xuất bản năm 2005, gồm 13 tập sách)	
(2) Lịch đại học án 歷代學案 (2005, 23)	
(3) Nho lâm bi truyện 儒林碑傳 (2005, 14)	
(4) Nho lâm niên phổ 儒林年譜 (2007, 50)	
(5) Nho lâm sử truyện 儒林史傳 (2009, 80)	1. Chính sử nho truyện 正史儒傳 2. Thông lục 通錄 3. Uyên nguyên 淵源 4. Chuyên nhân 專人 5. Địa phương 地方
(6) Học hiệu sử chí 學校史志 (2010, 68)	1. Quốc học 國學 2. Thư viện 書院
(7) Lễ nhạc chế độ 禮樂制度 (2014, 14)	1. Thông lễ 通禮 2. Lễ chế 禮制 3. Lễ khí 禮器 4. Miếu học 廟學 5. Tập lễ 雜禮 6. Lễ thuyết 禮說 7. Thuyết pháp 誼法
(8) Nho lâm tạp sử 儒林雜史 (2014, 12)	1. Học thuyết nguyên lưu 學說源流 2. Mục lục 目錄 3. Khoa cử 科舉 4. Từ lâm chương cổ 詞林掌故

Để thuyết minh cho mỗi bậc trong quá trình phân chia Tạng - Bộ - Loại - Mục - Sách kê trên, lần lượt có *Tổng tự 總序*, *Phân tự 分序*, *Tiểu tự 小序*, *Để yếu 提要*. *Tổng tự* đặt ở đầu tiên của toàn Tạng, khái thuật về những giá trị hiện đại của nghiên cứu Nho học, về tính tất yếu và tính cấp bách của việc nghiên cứu và chỉnh lí văn hiến Nho học, hồi cố về lịch sử và kinh nghiệm của các thế hệ nghiên cứu và chỉnh lí văn hiến Nho học, đồng thời trình bày về phương châm và tôn chỉ biên soạn. *Phân tự* đặt ở đầu mỗi bộ, hiện mới có *Phân tự* cho Sử bộ, trình bày tình hình phát sinh, phát triển của văn hiến Nho học thuộc Sử bộ, đồng thời nói rõ lí do phân loại và sắp xếp. *Tiểu tự* đặt ở đầu mỗi mục, lần lượt khái thuật hiện trạng nghiên cứu cũng như diện mạo chung của thành phần văn hiến thuộc mục ấy. *Để yếu* đặt ở đầu mỗi sách (một tác phẩm cụ thể), trình bày khái quát về tác giả và việc biên soạn sách ấy. Có thể coi việc lấy “tam tạng, nhị thập tứ mục” để phân loại, lấy *Tổng tự*, *Phân tự*, *Tiểu tự*, *Để yếu* để phản ánh nguyên lưu của Nho học, là một sự sáng tạo về thể lệ biên soạn tạng thư trong lịch sử biên soạn tạng thư của Trung Quốc, phá vỡ truyền thống phân loại “Tứ bộ”, vừa có thể phản ánh diện mạo Nho học theo trục ngang, lại vừa có thể phản ánh được lịch sử phát triển của Nho học theo trục dọc.

Về việc hiệu điểm, bộ *Nho tạng* này chủ trương ảnh ấn (in nguyên ảnh cổ bản) thư tịch cổ, có hiệu điểm (ngắt câu) bằng một kí hiệu khuyên tròn, có thêm phần “Hiệu kí” 校記 ở cuối mỗi quyển của từng bộ thư tịch cổ, chủ yếu là khảo

dị để làm rõ nội dung văn bản học, văn tự học. Hình thức biên soạn như vậy khiến cho công việc của người biên soạn không quá tỉ mỉ và phức tạp như bộ *Nho tạng* của Đại học Bắc Kinh (sẽ trình bày ở phần sau).

Ngoài bộ *Nho tạng* in sách giấy, từ tháng 12/2009, ban biên soạn *Nho tạng* của Đại học Từ Xuyên bắt đầu khởi động công việc biên soạn bộ *Nho tạng Internet* (網絡儒藏), nhằm mục đích số hoá (digitize) một cách thống nhất toàn bộ kho tư liệu *Nho tạng* theo dạng in sách giấy mà họ tiến hành bấy lâu nay, rồi đưa bản điện tử ấy lên mạng Internet để sử dụng rộng rãi. Dự kiến công trình này sẽ thu thập 5000 tác phẩm Nho học. Theo dự kiến ban đầu, công trình *Nho tạng Internet* sẽ hoàn thành trong thời gian 5 năm (2010-2015), khi đưa vào sử dụng thì sẽ cung cấp thêm một hình thức tồn tại hiện đại của tư liệu Nho học, song song với hình thức tồn tại truyền thống là sách in, tất cả đều góp phần lưu trữ, nhân bản, và phổ biến nguồn tư liệu phục vụ nghiên cứu Nho học⁽⁷⁾

2.2. *Nho tạng* của Đại học Bắc Kinh

Trong ba bộ *Nho tạng* được biên soạn, thì bộ của Đại học Bắc Kinh được đầu tư nhiều tâm sức hơn cả. Tháng 10/2002, Đại học Bắc Kinh bắt tay vào các công việc chuẩn bị về nhân lực và xây dựng dự án *Nho tạng*. Đến tháng 3/2003, công trình biên soạn *Nho tạng* được Bộ Giáo dục Trung Quốc phê chuẩn trở thành “đề tài trọng điểm đặc biệt” (重大課題攻關項目, đề tài giải quyết vấn đề trọng đại) trong nghiên cứu triết học và khoa học xã hội, cấp kinh phí 5 triệu Nhân dân tệ (hơn 17 tỷ đồng

Việt Nam theo thời giá hiện nay, 2014). Giáo sư Thang Nhất Giới 湯一介 (1927 - 2014) là Chủ nhiệm dự án (項目首席專家). Dự án *Nho tạng* này cũng được đưa vào danh sách “Đề án 211” và “Đề án 985” của Đại học Bắc Kinh.

Tháng 5/2003. Đại học Bắc Kinh thành lập “Ủy ban Chỉ đạo Biên soạn và Nghiên cứu *Nho tạng* thuộc Đại học Bắc Kinh” (北京大學《儒藏》編纂與研究指導委員會) do Giáo sư Quý Tiễn Lâm 季羨林 làm Chủ nhiệm danh dự, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng phụ trách khoa học xã hội nhân văn làm Phó chủ nhiệm, Giáo sư Thang Nhất Giới làm Phó chủ nhiệm thường trực; đồng thời thành lập “Tổ công tác biên soạn và nghiên cứu *Nho tạng* thuộc Đại học Bắc Kinh” (北京大學《儒藏》編纂與研究工作小組). Tháng 6/2004, lại thành lập “Trung tâm Nghiên cứu biên soạn *Nho tạng* thuộc Đại học Bắc Kinh” (北京大學《儒藏》編纂研究中心), chủ trì công việc cụ thể trong quá trình biên soạn. Tháng 8/2004, hội nghị hiệp thương của hơn 20 đơn vị nghiên cứu (Đại học Bắc Kinh là một đơn vị) cùng tham gia biên soạn *Nho tạng* đã quyết định thành lập “Ủy ban Biên soạn *Nho tạng*” (《儒藏》編纂委員會), Quý Tiễn Lâm làm Tổng chủ biên danh dự, các Tổng chủ biên là Thang Nhất Giới, Bàng Pháp 龐賡, Tôn Khâm Thiện 孫欽善, An Bình Thu 安平秋. Những công việc ban đầu hầu hết do “Tổ công tác” phụ trách, bao gồm nghiên cứu chế định thể lệ biên soạn, xác định mục lục các văn hiến được đưa vào bộ sách, cũng như lựa chọn và liên lạc với các đơn vị hợp tác biên soạn. Khi công việc hiệu điểm chính thức bắt

đầu, thì phần việc chủ yếu chuyển sang cho “Trung tâm Nghiên cứu” phụ trách.

Theo kế hoạch, số lượng tư liệu được lựa chọn để đưa vào *Nho tạng* là khoảng hơn 5000 - 6000 bộ sách (tính niên đại đến cuối đời Thanh), ước lượng độ dài khoảng 1.5 tỉ chữ Hán, dự kiến hoàn thành vào năm 2022, đó sẽ là bộ *Nho tạng đại toàn*. Bởi dung lượng quá đồ sộ, nên ban biên soạn quyết định làm trước một bộ sách gọi là “*Nho tạng tinh hoa biên*” (《儒藏》精華編), với dung lượng dự kiến bằng khoảng 1/10 bộ *Nho tạng đại toàn*, nhưng đây là phần tinh túy của dự án *Nho tạng*, dự kiến hoàn thành vào năm 2010. Bộ *Tinh hoa biên* được chia thành 321 quyển, tổng cộng khoảng 200 triệu chữ Hán, thu thập 462 bộ điển tịch trọng yếu của Trung Quốc (281 quyển), đồng thời cũng thu thập khoảng 100 bộ văn hiến Nho học quan trọng bằng chữ Hán của các nước Hàn, Nhật, Việt (40 quyển). Ngoài ra, còn đặt kế hoạch biên soạn và xuất bản các bộ *Nho tạng tổng mục* 儒藏總目, *Trung Quốc Nho học sử* 中國儒學史, *Trung Quốc kinh học sử* 中國經學史, *Tam giáo quan hệ sử* 三教關係史, tài trợ xuất bản series sách *Nho gia kinh điển dữ Nho gia tư tưởng* 儒家經典與儒家思想 100 cuốn, biên tập xuất bản niên san *Nho gia điển tịch dữ tư tưởng nghiên cứu* 儒家典籍與思想研究. Trong các công việc trên, hao tổn sức lực nhất phải kể đến việc hiệu điểm *Nho tạng tinh hoa biên*. Để thực hiện, ban biên soạn đã chia thành 24 đề tài nhánh, do nhiều học giả nổi tiếng ở nhiều trường và viện trong toàn quốc phụ trách. Tham gia việc hiệu điểm có hơn 370 học giả

Trung Quốc, khoảng 50 học giả Nhật Bản, 60 học giả Hàn Quốc, và 10 học giả Việt Nam, chuyên môn của họ chủ yếu là triết học, sử học, văn hiến học.

Về mảng tư liệu ngoài Trung Quốc, Đại học Bắc Kinh đã mời chuyên gia của từng nước phối hợp thực hiện. Phần tư liệu Hàn Quốc và Nhật Bản lần lượt được phụ trách bởi các Giáo sư Yang Sung-Moo 梁承武 (Đại học Trung ương Hàn Quốc 韓國中央大學校, Hội trưởng Học hội Nho học Hàn Quốc 韓國儒學學會), Giáo sư Togawa Yoshio 戸川芳郎 (Đại học Tokyo). Phần tư liệu Việt Nam do PGS.TS Nguyễn Kim Sơn (Đại học Quốc gia Hà Nội) và nhóm đồng sự thực hiện. Trong hai ngày 14-15 tháng 1/2011, Đại học Bắc Kinh đã tổ chức Hội nghị Công tác biên soạn các phần *Nho tạng* của Hàn, Nhật, Việt. Đại diện của phía Hàn Quốc. Giáo sư Yang Sung-Moo, cho biết, phía Hàn Quốc đã lựa chọn 105 tác phẩm Nho học, hiện đang tiến hành công việc hiệu điểm. Cụ thể: Kinh bộ 22 tác phẩm, Sử bộ 8, Tử bộ 41, Tập bộ 34, tổng cộng khoảng 16 triệu chữ nguyên bản, khi in thành sách ước chừng 24 triệu chữ (vì thêm các phần đề dẫn, chú thích), dự tính in thành 35 tập. Đại diện phía Nhật Bản, Giáo sư Oshima Akira 大島晃 (Đại học Sophia 上智大学) đã chọn xong 54 tác phẩm, dự tính in thành 16 tập, đã hoàn thành việc hiệu điểm 7 tác phẩm dự kiến in thành 2 tập sách, số còn lại sẽ hoàn thành hiệu điểm trong năm 2013. PGS.TS Nguyễn Kim Sơn, đại diện phía Việt Nam, cho biết phía Việt Nam đã lựa chọn 24 tác phẩm, trong đó Kinh bộ có 5 tác phẩm, Sử bộ có 4, Tử bộ và Tập bộ có 15, dự kiến hoàn thành bản hiệu điểm trong năm 2011, đồng thời khởi động việc

biên soạn quyển *Việt Nam Nho học sử* 越南儒學史 gồm 3 phần: lịch sử tư tưởng Nho học, nhân vật Nho học, điển tịch Nho gia, dự kiến lần lượt hoàn thành từng phần vào các năm 2011, 2012, 2013⁽⁸⁾.

Để đảm bảo chất lượng bản thảo, Trung tâm *Nho tạng* đã đặt ra trình tự làm việc như sau: đầu tiên là yêu cầu người hiệu điểm viết một bản *Thuyết minh về việc hiệu điểm*, giới thiệu tình hình văn bản của sách đó và lí do chọn bản nền, đồng thời đưa ra một bản thảo đã hiệu điểm. Sau khi bản thảo được người hiệu điểm bản giao lại, Trung tâm *Nho tạng* tổ chức thẩm tra sơ bộ, phát hiện vấn đề và đề xuất ý kiến, rồi trả về cho người hiệu điểm sửa chữa. Sau khi thông qua việc thẩm tra sơ bộ, thì giao cho chuyên gia thẩm định lại, sau đó mới bản giao cho nhà xuất bản để chế bản, biên tập.

Bởi một bộ phận không nhỏ trong số những người hiệu điểm còn thiếu nền tảng văn hiến học, không có kinh nghiệm chính lí thư tịch cổ, cho nên bản hiệu điểm ban đầu có rất nhiều lỗi, chất lượng hiệu điểm không cao (sau một thời gian làm việc, tình trạng này mới được cải thiện). Thực tế ấy khiến cho tiến độ thực hiện diễn ra chậm hơn nhiều so với dự kiến ban đầu là hoàn thành phần *Tinh hoa biên* trong năm 2010. Để đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng công trình, Bộ Giáo dục đã chia “đề tài trọng điểm đặc biệt” này thành 24 “đề tài trọng điểm” (重點項目) và 147 “đề tài thường” (一般項目), những người vốn là chủ trì đề tài nhánh lúc trước đều trở thành người chủ trì đề tài trọng điểm, phần lớn những người hiệu

điểm cũng đều trở thành người chủ trì các đề tài thường. Tháng 12/2010, Bộ Giáo dục kí hợp đồng với những chủ trì đề tài, yêu cầu trước năm 2015 phải hoàn thành toàn bộ công việc biên soạn bộ *Nho tạng tinh hoa biên*. Sự thay đổi này ngay lập tức đã phát huy hiệu quả, tiến độ công việc đã được thúc đẩy nhanh hơn.

Về cấu trúc phân loại, bộ *Nho tạng* của Đại học Bắc Kinh chủ trương sử dụng phương pháp phân loại truyền thống trong thư tịch học Trung Quốc, đó là phương pháp Tứ bộ 四部 vốn được áp dụng trong *Tứ khố toàn thư* 四庫全書, bao gồm: Kinh 經, Sử 史, Tử 子, Tập 集

(có bổ sung phần văn hiến khai quật 出土文獻 *Xuất thổ văn hiến*, nằm ngoài Tứ bộ). Dưới bộ là loại 類, dưới loại là thuộc 屬, dưới thuộc là chủng 種, tức các sách cụ thể, tạo thành hệ thống **Tạng - Bộ - Loại - Thuộc - Chủng**. Nếu tính riêng tài liệu của Trung Quốc, số chủng trong lần lượt Tứ bộ Kinh, Sử, Tử, Tập là 187, 54, 83, 128, cộng thêm 10 chủng của phần văn hiến khai quật (出土文獻, *Xuất thổ văn hiến*), tổng cộng 462 tác phẩm Nho học, dự kiến xuất bản thành 281 quyển. Danh sách phân loại cụ thể theo tài liệu chính thức năm 2007 như sau⁽⁹⁾:

BỘ 部	LOẠI 類	THUỘC 屬	CHUNG 種	Quyển xuất bản	
Kinh 經	Dịch 易		34	11 (1-11)	
	Thư 書 (kèm Phụ lục 附錄)		26	10 (12-21)	
	Thi 詩 (kèm Phụ lục 附錄)		21	15 (22-36)	
Lễ 禮 (26)	Chu Lễ 周禮		3	5 (37-41)	
	Nghi Lễ 儀禮		8	7 (42-48)	
	Lễ kí 禮記		7	9 (49-57)	
	Thông Lễ 通禮		6	16 (58-73)	
	Tạp Lễ 雜禮		2		
	Xuân Thu 春秋 (27)	Tả truyền 左傳		9	10 (74-83)
		Công Dương truyện 公羊傳		5	5 (84-88)
		Cốc Lương truyện 穀梁傳		2	1 (89)
		Xuân Thu tổng nghĩa 春秋總義		9	5 (90-94)
		Phụ lục 附錄		2	1 (95)
Hiếu kinh 孝經		4	1 (96)		
Quần kinh tổng nghĩa 群經總義		10	7 (97-103)		
Tứ thư 四書 (32)	Học Dung 學庸		2	3 (104-106)	
	Luận ngữ 論語		9		
	Mạnh Tử 孟子		5	2 (107-108)	

		Tứ thư tổng nghĩa 四書總義	16	15 (109-123)
	Tiểu học 小學 (5)	Nhĩ nhã 爾雅	3	3 (124-126)
		Thuyết văn 說文	2	3 (127-129)
	Sám vĩ 讖緯		2	2 (130-131)
Sử 史	Biên niên 編年		2	5 (132-136)
	Biệt sử 別史		1	1 (137)
	Tạp sử 雜史		2	
	Chiếu lệnh tấu nghị 詔令奏議		2	11 (138-148)
	Truyện kí 傳記 (40)	Danh nhân 名人	16	2 (149-150)
		Tổng lục 總錄	24	22 (151-172)
	Chức quan 職官		1	4 (173-176)
	Mục lục 目錄		1	
	Sử bình 史評		5	3 (177-179)
Tử 子	Chu Tần chư tử loại Nho gia chi thuộc 周秦諸子類儒家之屬		4	1 (180)
	Nho học 儒學 (70)	Kinh tế 經濟	21	5 (181-185)
		Tính lí 性理	38	11 (186-196)
		Lễ giáo 禮教	11	1 (197)
	Tạp học 雜學 (9)	Tạp luận 雜論	3	1 (198)
		Tạp thuyết 雜說	1	
Tạp khảo 雜考		5	3 (199-201)	
Tập 集	Biệt tập (127)	Hán chí Ngũ đại 漢至五代	8	1 (202)
		Bắc Tống 北宋	22	18 (203-220)
		Nam Tống 南宋	24	21 (221-241)
		Kim Nguyên 金元	12	4 (242-245)
		Minh 明	31	18 (246-263)
		Thanh 清	30	15 (264-278)
	Tổng tập		1	2 (279-280)
Xuất thổ văn hiển 出土文 獻	Quách Điểm Sở mộ trúc giản 郭店楚墓竹簡		2	1 (281)
	Thượng Hải Bắc Vật quán tàng sở trúc thư 上海博物館藏楚竹書		3	
	Định Châu Hán mộ trúc giản 定州漢墓竹簡		1	

Mã Vương Đồi Hán mộ bạch thư 馬王堆漢墓帛書	2	
Dường tả bản 唐寫本	2	
Tổng:	462	281

Xem Bảng tóm tắt số chủng và số quyền xuất bản của bộ *Nho tạng tinh hoa biên* (chỉ tính phần tư liệu Trung Quốc) dưới đây, chúng ta thấy

phân lượng xuất bản tập trung vào nhóm Kinh bộ và Tập bộ, chiếm gần 75% số quyền sách dự định xuất bản.

Phân loại	Số chủng	Số Quyền xuất bản
Kinh	187	131
Sử	54	48
Từ	83	22
Tập	128	79
Xuất thổ văn Hiến	10	1
Tổng:	462	281

Từ năm 2007 đến tháng 6/2014, ban biên soạn đã xuất bản được 100 quyền của bộ *Nho tạng tinh hoa biên*. Nhóm tài liệu 100 quyền đã xuất bản này tập trung chủ yếu vào Kinh bộ, sau đó đến Tập bộ và Từ bộ, chỉ có 2 quyền thuộc về Sử bộ. Ngoài ra, còn có một quyền về văn hiến khai quật, và một quyền về tư liệu Việt Nam (chưa có phần Nhật Bản và Hàn Quốc). Bởi nội dung từng quyền đã được ấn định từ trước, nên khi hiệu đính và thẩm tra xong quyền nào thì đưa xuất bản luôn quyền ấy, điều đó khiến cho 100 quyền đã xuất bản không theo thứ tự đánh số quyền. Đến thời điểm giữa năm 2014, ban biên soạn đã có một số điều chỉnh nhỏ về phân quyền so với dự kiến năm 2007, tái cấu trúc bộ *Tinh hoa biên* thành tổng số 339 quyền xuất bản, trong đó phần Trung Quốc chiếm 282 quyền, Hàn Quốc 37 quyền, Nhật Bản 18 quyền, Việt Nam 2 quyền, dự kiến đến tháng 9/2017 sẽ hoàn thành toàn bộ 339 quyền này (dự kiến ban đầu là năm 2010), cũng điều chỉnh thời gian dự kiến

hoàn thành *Nho tạng đại toàn* từ 2022 chuyển thành 2025.

Về các sản phẩm năm ngoài *Nho tạng tinh hoa biên*, bộ *Trung Quốc Nho học sử* 中國儒學史 gồm 9 tập đã xuất bản vào tháng 6/2011. *Nho tạng tổng mục - Kinh bộ* 儒藏總目經部 đã xuất bản năm 2011. Tập san *Nho gia điển tịch dữ tư tưởng nghiên cứu* 儒家典籍與思想研究 đã xuất bản được 6 tập đều đặn trong thời gian từ 2009 đến 2014⁽¹⁰⁾. Nội san *Nho tạng thông tấn* 儒藏通訊 xuất bản từ năm 2007, đến năm 2014 đã ra được 20 số, là nguồn cung cấp thông tin và trao đổi kinh nghiệm trong quá trình biên soạn *Nho tạng*⁽¹¹⁾

Theo dự kiến, sẽ xuất bản tổng số 18 tác phẩm của Việt Nam, chia thành 2 tập. Tháng 1/2013 đã xuất bản quyền đầu tiên về Việt Nam⁽¹²⁾, tổng cộng 620 nghìn chữ, bao gồm 8 tác phẩm, chia vào 2 bộ. Kinh bộ gồm 5 tác phẩm: *Dịch phu tụng thuyết* 易廣叢說, *Thư kinh diễn nghĩa* 書經衍義, *Xuân Thu quán*

kiến 春秋管見, *Hiếu kinh lập bản* 孝經立本 và *Hiếu sử lược thuyên* 孝史略詮 (tính làm 1 tác phẩm), *Luận ngữ ngu án* 論語愚按; Sử bộ - Chính thư loại (史部政書類) gồm 3 tác phẩm: *Lê triều giáo hoá điều luật* 黎朝教化條律, *Hoàng triều thánh dụ huấn dịch thập điều* 皇朝聖諭訓迪十條, và *Hoàng huấn cứu thiên* 皇訓九篇. Nhóm người hiệu diễm ở Việt Nam gồm: Bùi Bá Quân (4 tác phẩm), Đinh Thanh Hiếu (2), Phùng Minh Hiếu (1), Nguyễn Kim Sơn (1).

2.3. Quốc tế Nho tạng của Đại học Nhân Dân

Theo kế hoạch đề ra từ cuối năm 2002, dự án *Nho tạng* của Đại học Nhân Dân (Bắc Kinh) dự kiến sẽ xuất bản 200 tập sách, ước chừng 250 triệu chữ. Thời gian thực hiện dự kiến là 10 năm (đến nay đã là 12 năm!), với tổng kinh phí đầu tư (theo mong muốn) là khoảng 200 triệu Nhân dân tệ (khoảng 700 tỉ đồng Việt Nam, thời giá 2014), lấy từ nguồn vốn huy động quyên góp xã hội, ngân sách quốc gia, cũng như tài trợ của đơn vị xuất bản. Đơn vị chủ trì việc biên soạn là Viện Nghiên cứu Khổng Tử thuộc Đại học Nhân Dân, do Giáo sư Trương Lập Văn 張立文 (1935-) làm Viện trưởng⁽¹³⁾. Tổng chỉ đạo dự án, về mặt danh nghĩa, là Hiệu trưởng Đại học Nhân Dân, Giáo sư Ki Bảo Thành 紀寶成 (Hiệu trưởng: 2000-2011), còn người thực tế điều hành công việc chuyên môn là Trương Lập Văn - học giả hàng đầu Trung Quốc trong lĩnh vực nghiên cứu Nho học và tư tưởng triết học, cùng với người phụ tá của ông, Giáo sư Hương Thế Lăng 向世陵 (1955-),

cũng là một chuyên gia về Nho học. Dự án *Nho tạng* của Đại học Nhân Dân cũng được đưa vào danh sách “Đề án 211” và “Đề án 985”. Để thực hiện dự án, Đại học Nhân Dân đã phối hợp với các chuyên gia của Đại học Bắc Kinh, Đại học Thanh Hoa, Đại học Hà Nam, Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc, Trung Hoa thư cục, Hoa Hạ xuất bản xã, cũng như các chuyên gia nước ngoài tại Hàn Quốc, Nhật Bản, Việt Nam, Âu Mĩ.

Kế hoạch dự án nghiên cứu và biên soạn *Nho tạng* của Đại học Nhân Dân được đưa ra thảo luận trong hội nghị Hội đồng khoa học lần thứ nhất của Viện Nghiên cứu Khổng Tử thuộc Đại học Nhân Dân, tổ chức vào tháng 10/2002. Sau đó, bản kế hoạch tiếp tục nhận được ý kiến đóng góp từ nhiều chuyên gia, học giả ở Trung Quốc và nước ngoài góp ý xây dựng. Trong bối cảnh đã có hai đơn vị thực hiện hai dự án *Nho tạng* khác, đó là Đại học Tứ Xuyên (từ năm 1997) và Đại học Bắc Kinh (từ năm 2002), Đại học Nhân Dân đã tập trung thảo luận để tìm một hướng đi khác trên con đường xây dựng dự án *Nho tạng*. Kết quả là, khác với hai bộ *Nho tạng* của Đại học Tứ Xuyên và Đại học Nhân Dân vốn lấy phần tư liệu Trung Quốc làm căn bản, bộ *Nho tạng* của Đại học Nhân Dân đặt tên là *Quốc tế Nho tạng* 國際儒藏, chủ trương không thu thập tài liệu của Trung Quốc, mà chỉ thu thập tài liệu Nho học của nước ngoài. Bộ sách này dự kiến chia thành 4 “biên”: *Hàn Quốc biên* 韓國編, *Nhật Bản biên* 日本編, *Việt Nam biên* 越南編 và *Âu Mĩ biên* 歐美編. Trong mỗi “biên” lại áp dụng phép phân loại Tứ bộ (Kinh, Sử,

Từ. Tập). Có lẽ chính vì tập trung vào mảng tư liệu nước ngoài, cho nên việc sưu tập và biên soạn sẽ vấp phải nhiều khó khăn hơn so với mảng tư liệu tại Trung Quốc. Điều này khiến cho tiến độ dự án tiến hành chậm hơn nhiều so với dự kiến ban đầu. Một nguyên nhân nữa làm chậm tiến độ dự án có lẽ bắt nguồn từ vấn đề kinh phí, bởi dự án này không được đầu tư kinh phí từ một quỹ hội hoặc cơ quan nhà nước cao cấp nào (như Quỹ Khổng Tử đầu tư cho dự án của Đại học Tử Xuyên, Bộ Giáo dục Trung Quốc đầu tư cho dự án của Đại học Bắc Kinh).

Đến nay, dự án mới xuất bản được một phần thuộc *Hàn Quốc biên*, là phần *Tứ thư bộ*, gồm 16 quyển sách xuất bản, mỗi quyển khoảng 600-800 trang khổ lớn, do Hoa Hạ xuất bản xã và Trung Quốc Nhân Dân đại học xuất bản xã phối hợp xuất bản. Phần này bao gồm 464 tác phẩm Nho học của Hàn Quốc viết bằng chữ Hán, có nội dung chú giải hoặc xiển thích *Tứ thư*, trong đó về *Đại học* có 123 tác phẩm, về *Trung dung* có 120 tác phẩm, về *Luận ngữ* có 116 tác phẩm, về *Mạnh Tử* có 105 tác phẩm. Toàn bộ 464 tác phẩm này đều đã được thu thập trong bộ *Hàn Quốc kinh học tư liệu tập thành* 韓國經學資料集成 do Viện Nghiên cứu văn hoá Đại Đông thuộc Đại học Thành Quân Quán của Hàn Quốc (韓國成均館大學校大東文化研究院) biên soạn, sắp xếp thứ tự theo năm sinh của tác giả của mỗi tác phẩm. Chính vì toàn bộ tư liệu này đã được phía Hàn Quốc xử lý và công bố từ trước, nên việc xuất bản tại Trung Quốc mới được

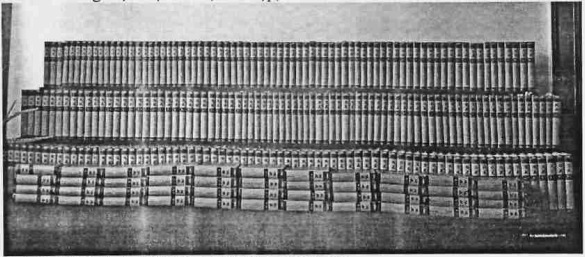
nhANH chóng như vậy.

Về nguyên tắc biên soạn, *Quốc tế Nho tạng - Hàn Quốc biên* lựa chọn những tác phẩm của các tác giả trên bán đảo Triều Tiên trong lịch sử viết bằng chữ Hán. Mỗi tác phẩm đều có phần “Đề giải” 題解 đặt ở đầu sách. Sau đó là nguyên cáo được chỉnh lí, hiệu điểm, dùng chữ Hán phồn thể, trình bày hàng dọc từ trên xuống, từ phải sang trái theo truyền thống, kèm theo chú giải ở những chỗ cần thiết. Phương pháp trình bày như vậy cũng tương đồng với dự án *Nho tạng* của Đại học Bắc Kinh.

Về mảng tư liệu Việt Nam, ngay từ giữa thập niên 2000, Đại học Nhân Dân đã sớm liên hệ và mời các chuyên gia của Viện Nghiên cứu Hán Nôm phối hợp thực hiện, đứng đầu nhóm chuyên gia Việt Nam là PGS Phan Văn Các. Công việc chủ yếu của phía Việt Nam là tìm tư liệu và photo tư liệu thành từng tập rồi chuyển cho phía Trung Quốc. Cuối tháng 9/2014, nhân dịp dự hội thảo khoa học quốc tế kỉ niệm 2656 năm sinh Khổng Tử tại Bắc Kinh - Sơn Đông, tác giả bài viết này đã được Giáo sư Trương Lập Văn và Giáo sư Hương Thế Lăng mời tới văn phòng của Ban biên soạn *Quốc tế Nho tạng* tại Đại học Nhân Dân để làm việc. Giáo sư Hương Thế Lăng cho biết, sau khi nhận số tài liệu photo từ Việt Nam, thi việc hợp tác giữa hai phía Việt Trung bị gián đoạn. Hiện số tư liệu photo từ Việt Nam, ước tính hàng trăm quyển, đã được phía Trung Quốc thẩm tra sơ bộ, xác định và phân loại nội

dụng và hình thức tài liệu, bước đầu tiến hành hiệu đính. Tuy nhiên, việc biên soạn mảng tư liệu này vấp phải những khó khăn lớn: tư liệu phần lớn là bản thảo chép tay, chữ viết không rõ ràng, nhiều bản lại có xen lẫn chữ Nôm - một thách thức quá lớn đối với học giả Trung Quốc trong việc giải đọc, lại làm việc trên cơ sở bản photo, cộng thêm truyền thống thư tịch Nho giáo tại Việt Nam không thực sự quy củ như ở các nước Đông Á khác⁽¹⁴⁾. Những khó khăn này khiến cho công việc hiệu đính, biên tập,

biên soạn trở nên cực kì phức tạp. Qua thảo luận giữa tác giả bài viết và Ban biên soạn, trước mắt sẽ lựa chọn khoảng 20 tác phẩm Nho học Việt Nam theo tiêu chí nội dung chuyên sâu và hình thức trình bày tương đối rõ ràng, để in thành 3 tập sách, tổng số khoảng 2000 trang, theo dạng ảnh in có hiệu đính, để giải, chú thích. Như vậy, phương pháp biên soạn *Quốc tế Nho tạng - Việt Nam biên* sẽ khác với phần tư liệu Hàn Quốc vốn được chế bản lại, chứ không phải ảnh in.



Toàn bộ 274 tập thuộc Sử Bộ của bộ *Nho Tạng* (Tư Xuyên)



Nho Tạng tinh hoa biên



Quốc tế Nho Tạng - Hàn Quốc biên

3. So sánh và bình luận

Bảng thống kê sau đây phân nào thể hiện những thông tin căn bản nhất liên quan đến việc biên soạn *Nho tạng* ở cả ba đơn vị

Chủ trì biên soạn	Đại học Tứ Xuyên	Đại học Bắc Kinh	Đại học Nhân Dân
Bắt đầu thực hiện	1997	2002	2002
Tầm mức dự án	Đề án 211 Đề án 985	Đề án 211 Đề án 985	Đề án 211 Đề án 985
Chủ biên (thực việc)	Thư Đại Cương	Thang Nhất Giới	Trương Lập Văn
Số tập (dự kiến)	≈ 600	≈ 339 (tinh hoa biên)	≈ 200
Đã in (tới 9/2014)	274 tập (hết Sứ bộ)	100 tập	16 tập (Hàn Quốc - Tứ thư)
Đặc điểm	Ảnh ấn hiệu điểm	Chế bản hiệu điểm, phần thể, chữ dọc	Chế bản hiệu điểm, phần thể, chữ dọc. Ảnh ấn nguyên bản
Phần ngoài Trung Quốc	Không	Có (Nhật, Hàn, Việt)	Chỉ có phần ngoài Trung Quốc (Hàn, Nhật, Việt, Âu Mỹ)
Cấu trúc phân loại vĩ mô	Kinh, Luận, Sứ	Kinh, Sứ, Tứ, Tập	Kinh, Sứ, Tứ, Tập
Cấu trúc phân loại vi mô	Tạng - Bộ - Loại - Mục - Sách	Tạng - Bộ - Loại - Thuộc - Chủng	
Dự trù kinh phí ban đầu (Nhân Dân Tệ)	3 triệu (đã đầu tư)	5 triệu (đã đầu tư)	200 triệu (dự kiến)
Nguồn kinh phí	Quỹ Không Từ Trung Quốc	Bộ Giáo dục (Trung Quốc)	Quyên góp xã hội, Đại học Nhân Dân
Đơn vị hợp tác phía Việt Nam		Đại học Quốc gia Hà Nội (Nguyễn Kim Sơn)	Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Phan Văn Các)

Tương đồng

Về những điểm chung, ta thấy cả ba đơn vị đều đánh giá rất cao sự quan trọng về bình diện khoa học của dự án *Nho tạng*, nên đều đưa vào Đề án 211 và Đề án 985 của đơn vị mình. Đây là những hạng mục đề án rất lớn, thể hiện quyết tâm đầu tư trên các lĩnh vực kinh phí, nhân lực, vật lực, quản lí, học thuật, và xuất bản. Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng, so với dự kiến ban đầu, thì thời gian thực hiện công trình của cả ba đơn vị đều buộc phải kéo

dài so với dự kiến, nguồn kinh phí cũng buộc phải bổ sung để chi trả cho những hoạt động phát sinh. Điều này cho thấy việc biên soạn *Nho tạng* phức tạp hơn nhiều so với những tính toán ban đầu của các đơn vị chủ trì, khiến cho trong quá trình biên soạn, cả ba đơn vị đều luôn phải sẵn sàng điều chỉnh các nguyên tắc biên soạn sao cho phù hợp với tình hình thực tế. Việc biên soạn một công trình đồ sộ như vậy cũng khiến cho sức một đơn vị không thể kham nổi toàn bộ công việc,

cho nên mỗi đơn vị chủ trì biên soạn đều bắt buộc phải mời nhóm chuyên gia hợp tác từ các đơn vị khác tại Trung Quốc, cũng như từ các quốc gia Đông Á khác. Đây cũng là một cơ hội để giới nghiên cứu Nho học Đông Á có những dịp cọ xát, trao đổi, thảo luận, học hỏi và giúp đỡ lẫn nhau.

Dị biệt

Tuy có nhiều điểm chung như kể trên, nhưng việc biên soạn *Nho tạng* ở ba đơn vị Đại học Tứ Xuyên, Bắc Kinh, Nhân Dân cũng có nhiều điểm khác biệt tương đối rõ ràng. Về kinh phí, Đại học Bắc Kinh chiếm ưu thế hơn hẳn, do được Bộ Giáo dục Trung Quốc đầu tư kinh phí; Đại học Tứ Xuyên cũng có nhiều ưu thế do nhận được tài trợ từ nguồn tài chính tương đối dồi dào của Quỹ Không Tử Trung Quốc; gặp khó khăn hơn cả vẫn là Đại học Nhân Dân, do phải tự đi huy động vốn từ xã hội và từ nguồn quỹ của trường.

Về phạm vi tư liệu cũng có nhiều điểm khác biệt: Đại học Tứ Xuyên chủ trương chỉ lựa chọn tư liệu Trung Quốc, Đại học Nhân Dân thì chỉ nhắm vào nguồn tư liệu nước ngoài (cả Đông Á và Âu Mĩ), đứng ở giữa hai thái cực đó là Đại học Bắc Kinh, chú trọng đến tư liệu trong nước, nhưng cũng rất tích cực phối hợp với các học giả Nhật, Hàn, Việt để biên soạn các phần tư liệu nước ngoài, làm hình thành một bộ “*Nho tạng Đông Á*” tương đối toàn diện. Xét từ góc độ phạm vi tư liệu, Đại học Bắc Kinh vẫn là đơn vị chiếm ưu thế, nhưng Đại học Nhân Dân lại có tính đột phá, khi hướng mục tiêu tới phạm vi tư liệu Nho học

Đông Á và Âu Mĩ, để quốc tế hoá hoạt động nghiên cứu Nho học, mở rộng phạm vi tư liệu ra tầm thế giới.

Về nguyên tắc phân loại thư tịch trong quá trình biên soạn cũng có sự khác biệt lớn. Đại học Bắc Kinh và Đại học Nhân Dân tuân thủ phương pháp “Tứ bộ” truyền thống, phân loại theo “Kinh, Sử, Tử, Tập”, cũng có điều chỉnh cho phù hợp với tình hình tư liệu mới, như việc Đại học Bắc Kinh bổ sung tư liệu “Xuất thổ văn hiến” nằm ngoài Tứ bộ. Trong khi đó, Đại học Tứ Xuyên, dưới sự chủ trì của Giáo sư Thư Đại Cương, tập trung nhiều nỗ lực vào nghiên cứu lí luận⁽¹⁵⁾, chăm chú những phương pháp biên soạn tạng thư truyền thống của Phật giáo, Đạo giáo, kết hợp với tình hình văn hiến Nho học trong thực tế, để đề ra nguyên tắc phân loại “tam tạng, nhị thập tứ mục”, dựa vào cái khung “Kinh, Luận, Sử” rồi tiếp tục phân chia thành các loại, mục, rồi bắt đầu mỗi bậc phân loại lại có các phần *Lời tựa* tương ứng để thuyết minh, giúp độc giả dễ nhận ra sự phát triển của văn hiến và tư tưởng Nho học theo cả chiều dọc và chiều ngang. Phương pháp phân loại ấy được đánh giá là phù hợp hơn với việc phân loại văn hiến Nho học, trở thành ưu điểm nổi trội của bộ *Nho tạng* của Đại học Tứ Xuyên.

Về quy cách trình bày văn bản, Đại học Bắc Kinh và Đại học Nhân Dân chủ trương làm chế bản, hiệu điểm có chú thích các tài liệu được lựa chọn, tức là trình bày lại văn bản xưa bằng hình thức in ấn mới, có thêm rất nhiều sự gia công, can thiệp của học giả đương đại vào các văn bản cổ xưa. Cách trình bày văn bản

như vậy là rất tỉ mỉ, chi tiết, hiện đại, nhưng cũng làm tiêu tốn rất nhiều thời gian của các học giả, là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc làm chậm tiến độ thực hiện dự án. Trong khi đó, Đại học Từ Xuyên lại chủ trương ảnh ản, hiệu điểm có chú giải, tức là giữ nguyên hình thức của văn bản xưa, chỉ chừa thêm những khuyên tròn thể hiện cú điệu (ngắt câu), và thêm chú thích ở những nơi cần thiết. Cách làm việc này vừa thể hiện sự tôn trọng văn bản truyền thống, vừa cho thấy hình bóng của các tác động hiện đại, nhưng lại có nhược điểm là một số (không nhiều) văn bản do chất lượng bản gốc không thực sự tốt, cho nên bản in ra không được rõ nét, khiến cho độc giả gặp khó khăn trong việc nhận mặt chữ.

Bình luận

Thực hiện biên soạn *Nho tạng* rõ ràng là một công việc được giới nghiên cứu Nho học thế giới đón đợi và đặt nhiều kì vọng. Càng phần khởi hơn khi gần như đồng thời tại Trung Quốc xuất hiện ba đơn vị chủ trì biên soạn ba công trình *Nho tạng* khác nhau, với chủ trương biên soạn không trùng lặp lẫn nhau, mà có tính chất bổ sung cho nhau, thể hiện tinh chất “trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng” trong truyền thống văn hoá học thuật từ thời Tiên Tần. Đã hơn 10 năm kể từ khi các trường Đại học Từ Xuyên, Bắc Kinh, Nhân Dân bắt đầu triển khai dự án, mỗi trường đều đã giới thiệu ít nhiều sản phẩm của riêng mình. Suốt thời gian hơn một thập kỉ ấy, đã có rất nhiều hội thảo, hội nghị, thảo luận nhóm, trao đổi khoa học giữa các quốc gia Đông Á, với mục đích tiến tới

những quy ước thống nhất trong việc biên soạn tạng thư Nho học để sử dụng chung trong phạm vi học thuật thế giới. Thiết nghĩ, đây cũng là lúc cần phải có một cái nhìn tổng quan để đúc rút kinh nghiệm chung trong biên soạn *Nho tạng*. Dưới đây là một vài suy nghĩ riêng của tác giả, xin nêu ra để mọi người cùng suy nghĩ và thảo luận.

Thứ nhất, như ta biết, việc biên soạn tạng thư của Phật giáo và Đạo giáo trong lịch sử đã phải trải qua nhiều lần thực hiện kế tiếp nhau, rút kinh nghiệm sửa chữa, điều chỉnh, để dần dần đi tới diện mạo ổn định của *Đại tạng kinh* và *Đạo tạng*. Tương tự như vậy, việc biên soạn *Nho tạng* cũng nên xác định là phải được tiến hành nhiều lần, sau mỗi lần lại phải đúc rút kinh nghiệm để điều chỉnh cho lần sắp tới. Xét từ góc độ này, việc đồng thời thực hiện ba bộ *Nho tạng* tại Trung Quốc là không cần thiết, nếu không muốn nói là lãng phí. Nên chăng tập trung nhân lực và vật lực để đầu tư biên soạn hoàn tất một bộ *Nho tạng*, để thể hệ sau có thể tiếp thu, phê bình, tổng kết kinh nghiệm, điều chỉnh sửa chữa để cho ra đời một bộ *Nho tạng* “phiên bản 2”, sửa chữa được những khuyết điểm của *Nho tạng* “phiên bản 1”

Thứ hai, tính lí luận trong việc phân loại văn hiến Nho học còn chưa được chuẩn bị một cách thực sự chu đáo trước khi bắt tay vào thực hiện các công việc biên soạn cụ thể. Truyền thống biên soạn các “đại vừng tập văn hiến” của Trung Quốc chưa tích lũy được kinh nghiệm biên soạn tạng thư Nho học, mà mới chỉ có kinh nghiệm biên soạn tạng

thư Phật giáo (*Đại tạng kinh*). Đạo giáo (*Đạo tạng*), và vụng tập văn hiến nói chung (*Vĩnh Lạc đại điển*, *Tứ khố toàn thư*). Đặc điểm văn hiến Nho giáo liệu có hoàn toàn trùng khớp với đặc điểm văn hiến của Phật giáo, Đạo giáo, hay thư tịch nói chung, để có thể rập khuôn một mô hình phân loại văn hiến có sẵn? Mới chỉ có nhóm biên soạn của Đại học Tứ Xuyên quan tâm tới việc xây dựng hệ thống phân loại, mà nguyên tắc "tam tạng, nhị thập tứ mục" của họ đề xuất đã bước đầu được học giới ghi nhận.

Thứ ba, về phạm vi tư liệu thu thập vào *Nho tạng*, không nên hạn chế trong khuôn khổ quốc gia hiện đại ngày nay, mà cần căn cứ vào tình hình thực tế trong lịch sử truyền bá của tư tưởng Nho học. Đương nhiên cần chú trọng tới tư liệu của Trung Quốc bởi đây là đất phát tích của Nho học, cũng là nơi chứng kiến những cột mốc thay đổi lớn nhất trong lịch sử Nho học. Bên cạnh đó, khối tư liệu của các nước Đông Á khác, gồm Hàn Quốc, Nhật Bản, Việt Nam, vốn được coi là nằm trong khu vực ảnh hưởng của văn hoá Nho giáo, cũng cần được đặc biệt coi trọng. Xa hơn chút nữa về phía Nam là khối Đông Nam Á, cũng cần lưu ý tới tư liệu Nho học thời kì sớm ở các khu vực này vốn theo chân những dòng người Hoa di cư từ nhiều thế kỉ trước. Cuối cùng là tư liệu Nho học tại các nước Âu Mỹ vốn được truyền nhập theo chân các giáo sĩ Thiên Chúa giáo cũng như các thương thuyền, cũng như hệ thống thư tịch châu Á được chuyển sang Âu Mỹ trong thời kì thực dân.

Thứ tư, về ngôn ngữ văn tự, cả ba bộ *Nho tạng* đang biên soạn đều chỉ thu thập tư liệu Nho học viết bằng chữ Hán, sử dụng ngôn ngữ Hán văn. Trong lịch

sử Nho học thời kì tiền hiện đại, thư tịch Nho học ở các nước Đông Á ngoài Trung Quốc còn được ghi chép bằng các hệ thống văn tự phi Hán, qua đó thể hiện ngôn ngữ bản địa. Ở Việt Nam là việc dịch Nôm kinh điển Nho gia, trong đó xen lẫn chữ Nôm mượn Hán với chữ Nôm tự tạo⁽¹⁶⁾. Ở Nhật Bản là việc sử dụng huấn đọc (訓読) Hán văn với nhiều kí hiệu văn tự Hiragana và Katakana xen lẫn chữ Hán, cũng tương tự như việc ở Hàn Quốc sử dụng huấn đọc Hán văn xen lẫn chữ Hangeul⁽¹⁷⁾. Việc bản địa hoá nội dung và ngôn ngữ Nho học từ phương diện văn tự và ngôn ngữ chắc chắn là một điểm đặc thù trong lịch sử tồn tại và phát triển của Nho học, cần được lưu ý trong quá trình thu thập tư liệu đưa vào *Nho tạng*.

Thứ năm, các đơn vị biên soạn *Nho tạng* còn bị câu nệ bởi việc biên soạn thư tịch truyền thống, tức là in sách giấy, mà ít lưu ý đến các hình thức xuất bản hiện đại, trong đó nổi bật là cung cấp một "nguồn truy cập mở" (open access) trên mạng Internet. Mới chỉ có Đại học Tứ Xuyên lưu ý đến loại hình xuất bản này, qua việc đề xuất thực hiện bộ *Nho tạng Internet* (网络儒藏), nhưng do đặc điểm của bộ *Nho tạng* này là ảnh bản nguyên bản, tức là cung cấp bản quét (scan) từ tư liệu gốc, nên không hỗ trợ các phần mềm tìm kiếm, không thực sự thuận lợi trong quá trình sử dụng. Một bản *Nho tạng Internet* lí tưởng cần phải là một dạng văn bản hỗ trợ tìm kiếm (searchable) toàn văn, sẽ rất thuận lợi cho người sử dụng, phù hợp với tính hiện đại trong công bố học⁽¹⁸⁾.

N.T.C

* Bài viết tưởng niệm Giáo sư Thang Nhất Giới (湯一介, 1927 - 2014), Chủ biên bộ *Nho Tạng* của Đại học Bắc Kinh.

Chú thích

(1) 王蕾 〈論儒藏思想的發展〉載《大學圖書館學報》2013年第1期第97-103頁。

(2) “Đề án 211”: nguyên tên tiếng Trung Quốc là “國家二一一工程重點學科建設項目” (Hạng mục xây dựng khoa học trọng điểm công trình số 211 cấp quốc gia), tên tắt là “二一一工程” (Đề án 211), tiếng Anh là “211 Project”. Đây là đề án rất lớn mà chính phủ Trung Quốc tập trung đầu tư cho hơn 100 trường đại học trọng điểm của Trung Quốc xây dựng và triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu đặc biệt quan trọng, nhằm mục đích nâng tầm các trường đại học đó lên tuyến đầu trong giáo dục đại học trên thế giới trong thế kỉ XXI. Dự án này bắt đầu được triển khai từ đầu thập niên 1990, con số “211” là kết hợp giữa “thế kỉ XXI” và “hơn 100 trường đại học”. Kể từ khi lập quốc năm 1949, đây là dự án đầu tư có quy mô lớn nhất vào lĩnh vực giáo dục đại học tại Trung Quốc. Tính đến nay Đề án này đã đầu tư cho 112 trường đại học, trong đó những tỉnh được đầu tư nhiều nhất là: Bắc Kinh có 27 trường, Giang Tô 11, Thượng Hải 10, Thiểm Tây 8, Hồ Bắc 7, Tứ Xuyên 5.

(3) “Đề án 985”: nguyên tên tiếng Trung Quốc là “國家九八五工程創新基地規劃項目” (Hạng mục quy hoạch cơ bản sáng tạo số 985 cấp quốc gia), tên tắt là “九八五工程” (Đề án 985), tiếng Anh là “985 Project”. Đây là đề án của Bộ Giáo dục Trung Quốc đầu tư phát triển một số trường đại học Trung Quốc để lọt vào hàng xếp hạng các trường đại học hàng đầu thế giới. Đề án này được gợi dẫn từ phát biểu

của Chủ tịch Giang Trạch Dân trong ngày lễ kỉ niệm 100 năm thành lập Đại học Bắc Kinh, vào năm 1998, tháng 5, nên gọi tắt là “Đề án 985”. Tính đến nay, Đề án 985 đã tuyển chọn đầu tư cho 39 trường đại học. Mặc dù cùng chung mục đích đầu tư vào giáo dục đại học để thăng hạng trong bảng xếp hạng quốc tế, nhưng “Đề án 211” thuộc quyền quản lí của chính phủ Trung Quốc, còn thì “Đề án 985” thuộc quyền quản lí của Bộ Giáo dục Trung Quốc, xếp thứ 2 trong những hạng mục đầu tư lớn vào giáo dục đại học ở nước này, kể từ sau 1949.

(4) Nguồn: 〈儒藏·史部·第二四九冊〉成都: 四川大學出版社, 2014年版, xem phần “Nho Tạng loại mục” 儒藏類目 ở đầu sách.

(5) Nguồn: 〈儒藏·史部·第一冊〉成都: 四川大學出版社, 2005年版, xem phần “Nho Tạng loại mục” 儒藏類目 ở đầu sách.

(6) 舒大剛, 〈談談〈儒藏〉編纂的分類問題〉, 載《四川大學學報(哲學社會科學版)》, 2004年第4期, 第56-63頁。

(7) 李冬梅, 〈信息技術與儒學文獻研究——兼談四川大學“網絡儒藏”編纂始末及意義〉, 載《儒藏論壇(第7輯)》, 2014年3月, 第349-358頁。

(8) Xem: 胡仲平, 〈〈儒藏〉精華編輯日越之部編纂工作會議簡報〉, 載: 〈儒藏通訊〉2011年第1期, 第3-5頁; cũng xem: 〈北京大學召開〈儒藏〉精華編輯日越之部編纂工作會議〉, 2011年1月20日, 載: 北京大學學校新聞網: <http://www.pkudl.cn/loadnews.asp?aid=1848>.

(9) Số liệu được tác giả bài viết tổng hợp từ nguồn: “Nho Tạng tinh hoa biên tuyển mục cập phân sách” 〈儒藏〉精華編

選目及分冊, in trong: *Bắc Kinh đại học Nho Tông công trình công tác thủ sách* 北京大學《儒藏》工程工作手冊(修訂), 北京: 北京大學《儒藏》編纂中心出版, 2007, tr. 56-85. Trang đầu tài liệu trên cung cấp con số tổng hợp, nhưng họ tính nhầm số Chủng của Tập Bộ là 127, bởi bỏ sót Tổng Tập loại (gồm 1 Chủng), thành ra tổng số Chủng cũng bị nhầm thành 461. Các con số thực tế là 128 và 462. Bản online không đầy đủ của tài liệu này, xem: ruzang.com/jinghuaxmu.asp#J01.

(10) Mục lục tập san này, xem: ruzang.com/xsyjmore.asp?id=90

(11) Mục lục nội san này, xem: ruzang.com/gcdtmore.asp?id=84 (một số tài liệu cho phép xem toàn văn online).

(12) 《儒藏(精華編越南之部一)》, 北京: 北京大學出版社, 2013年1月。

(13) 《中国人民大学孔子研究院《儒藏》編纂工程規劃》, 2002年10月8日, 載: 中国人民大学孔子研究院正式網站: <http://confucian.ruc.edu.cn/show.php?id=628>.

(14) Về một số đặc điểm của thư tịch kinh điển Nho học Việt Nam, xem: 劉玉珺, 《越南經學典籍考述》, 載《域外漢籍研究集刊》, 第六輯, 北京: 中華書局, 第401-421頁。

(15) Xem hai bài viết bản về vấn đề phân loại văn hiến Nho học của Thư Đại Cương: 舒大剛, 《談談《儒藏》編纂的分類問題》, 載《四川大學學報(哲學社會科學版)》, 2004年第4期, 第56-63頁; (2) 舒大剛, 《《儒藏》編纂之分類體系初探》, 載《國際儒學研究》第13集, 成都: 時代出版社, 2004年版, 第166-189頁。

(16) 阮俊強, 《文字、語言與思想的本土

化: 關於古代越南儒家經典翻譯問題》, 載《中國學》第三輯, 2013年, 第103-124頁。

(17) 金文京, 《試論日韓兩國翻譯中國典籍的方法》, 載: 鄭吉雄、張寶三編, 《東亞傳世漢籍文獻譯解方法初探》, 上海: 華東師範大學出版社, 2008年, 第193-207頁。

(18) Để hoàn thành bài viết này, tôi đã nhận được sự giúp đỡ về tư liệu từ Giáo sư Thư Đại Cương 舒大剛 (Đại học Tú Xuyên), Giáo sư Trương Lập Văn 張立文 và Giáo sư Hướng Thế Lăng 向世陵 (Đại học Nhân Dân), NCS Kim Jin Chul 金真喆 (người Hàn Quốc, Đại học Sư phạm Bắc Kinh). Trân trọng cảm ơn.

Tài liệu tham khảo

《中国人民大学孔子研究院《儒藏》編纂工程規劃》, 2002年10月8日, 載: 中国人民大学孔子研究院正式網站: <http://confucian.ruc.edu.cn/show.php?id=628>.

《北京大學《儒藏》工程工作手冊(修訂本)》, 北京: 北京大學《儒藏》編纂中心出版, 2007年5月。

《儒藏(精華編越南之部一)》, 北京: 北京大學出版社, 2013年1月

王蕾, 《論儒藏思想的發展》, 載《大學圖書館學報》, 2013年第1期, 第97-103頁。

李冬梅, 《信息技術與儒學文獻研究兼談四川大學“網絡儒藏”編纂始末及意義》, 載《儒藏論壇(第7輯)》, 2014年3月, 第349-358頁。

阮俊強, 《文字、語言與思想的本土化: 關於古代越南儒家經典翻譯問題》, 載: 《中國學》第三輯, 2013年, 第103-124頁。

金文京, 《試論日韓兩國翻譯中國典籍的方法》, 載: 鄭吉雄、張寶三編

·《東亞傳世漢籍文獻詳解方法初探》
·上海：華東師範大學出版社，2008年
·第193-207頁。

金生楊，〈〈儒藏〉編纂平議與新構想〉，載《西南民族大學學報（人文社科版）》，2006年第7期，第153-157頁。

紀寶成，〈序一〉，載：《國際儒藏·韓國編·四書部I·大學卷》，北京：華夏出版社與中國人民大學出版社，2010年，第1-2頁。

胡仲平，〈〈儒藏〉精華編輯日越之部編纂工作會議簡報〉，載：《儒藏通訊》2011年第1期，第3-5頁。

胡仲平，〈關於〈儒藏〉工程意義的再思考〉，載《儒家典籍與思想研究》，2010年第2集，第708-711頁。

孫欽善，〈〈儒藏〉編纂學術談〉，載《儒家典籍與思想研究》，2009年第1集，第401-416頁。

張立文，〈序二〉，載：《國際儒藏·韓國編·四書部I·大學卷》，北京：華夏出版社與中國人民大學出版社，2010年，第3-20頁。

陳蘇鎮，〈北京大學的〈儒藏〉編纂與研究工程〉，載《第三屆中國古文化學與傳統文化國際學術研討會論文集》，北京：中國社會科學院歷史研究所編印，2012年，第19-21頁。

湯一介，〈我們為什麼要編纂〈儒藏〉？〉，載《北京大學學報（哲學社會科學版）》，2006年第2期，第5-8頁。

湯一介，〈關於編纂〈儒藏〉的意義和幾點意見〉，載《北京大學學報（哲學社會科學版）》，2003年第9期，第5-8頁。

舒大剛，〈〈儒藏〉編纂之分類體系初探〉，載《國際儒學研究》第13集，成都：時代出版社，2004年版，第166-189頁。

舒大剛，〈談談〈儒藏〉編纂的分類問題〉，載《四川大學學報（哲學社會科學版）》，2004年第4期，第56-63頁。

舒大剛，〈儒藏總序--論儒學文獻整理的必要性和緊迫性〉，載《西南民族大學學報（人文社科版）》，2005年第9期，第6-11頁。

劉玉珺，〈越南經學典籍考述〉，載《域外漢籍研究集刊》，第六輯，北京：中華書局，第401-421頁。

<http://gj.scu.edu.cn> (website công trình *Nho tạng* của Đại học Tứ Xuyên).

<http://www.ruzang.com> (website công trình *Nho tạng* của Đại học Bắc Kinh).

<http://confucian.ruc.edu.cn> (website của Viện Nghiên cứu Không Tử, thuộc Đại học Nhân Dân, đơn vị biên soạn công trình *Nho tạng* của Đại học Nhân Dân).